

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1337 /TCTHADS-KHTC  
V/v báo cáo tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách quý I năm 2025

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Cục Kế hoạch – Tài chính, Bộ Tư pháp

Thực hiện chế độ báo cáo tình hình dự toán thu, chi ngân sách hàng quý theo Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; Trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo của các đơn vị trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis), Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Bộ Tư pháp tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách của hệ thống Thi hành án dân sự đến hết quý I năm 2025.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Q.Tổng Cục trưởng (để b/c);
- PTCT Trần Thị Phương Hoa (để b/c);
- Vụ Nghiệp vụ 3 (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTC.

**TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



**Nguyễn Huy Hùng**



**BẢO CAO TÍNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025**

Đơn vị: 1.000đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán giao 2025	Ước thực hiện	
			Quý I	Ước thực hiện quý so với dự toán (%)
<b>A</b>	<b>SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>			
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>400,000,000</b>	<b>119,210,285</b>	<b>29.80</b>
<b>II</b>	<b>Số thu phí được để lại đơn vị</b>			
	Số thu để lại đơn vị	220,000,000	65,565,657	29.80
	Số nộp Tổng cục	80,000,000	23,842,057	29.80
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách</b>			
	Nộp ngân sách	100,000,000	29,802,571	29.80
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NSNN</b>			
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340 - KHOẢN 341)</b>			
	<b>Tổng cục Thi hành án dân sự</b>	<b>2,704,392,000</b>	<b>532,732,846</b>	<b>19.70</b>
	Giao tự chủ tài chính	2,376,946,000	481,980,714	20.28
	Giao không tự chủ TC	327,446,000	50,752,133	15.50
<b>1</b>	<b>Văn phòng Tổng cục</b>	<b>94,864,759</b>	<b>23,841,861</b>	<b>25.13</b>
	Giao tự chủ tài chính	84,448,180	20,499,660	24.27
	Giao không tự chủ TC	7,887,579	3,342,201	42.37
	Giao không tự chủ TC (nguồn 14)	2,529,000	0	0.00
<b>2</b>	<b>Cục THADS TP.Hà Nội</b>	<b>145,295,562</b>	<b>29,234,290</b>	<b>20.12</b>
	Giao tự chủ tài chính	126,042,336	27,685,918	21.97
	Giao không tự chủ tài chính	19,253,226	1,548,372	8.04
<b>3</b>	<b>Cục THADS TP.Hải Phòng</b>	<b>53,209,184</b>	<b>13,643,735</b>	<b>25.64</b>
	Giao tự chủ tài chính	47,237,411	13,081,372	27.69
	Giao không tự chủ tài chính	5,971,773	562,363	9.42
<b>4</b>	<b>Cục THADS TP. Hồ Chí Minh</b>	<b>176,592,787</b>	<b>53,104,621</b>	<b>30.07</b>
	Giao tự chủ tài chính	150,325,132	43,046,892	28.64
	Giao không tự chủ tài chính	26,267,655	10,057,729	38.29
<b>5</b>	<b>Cục THADS TP. Đà Nẵng</b>	<b>36,903,315</b>	<b>5,191,117</b>	<b>14.07</b>
	Giao tự chủ tài chính	32,157,783	4,541,017	14.12
	Giao không tự chủ tài chính	4,745,532	650,100	13.70
<b>6</b>	<b>Cục THADS TP.Cần Thơ</b>	<b>37,014,421</b>	<b>8,459,778</b>	<b>22.86</b>
	Giao tự chủ tài chính	29,423,745	7,160,530	24.34
	Giao không tự chủ tài chính	7,590,676	1,299,248	17.12
<b>7</b>	<b>Cục THADS tỉnh Nam Định</b>	<b>32,139,483</b>	<b>3,698,560</b>	<b>11.51</b>
	Giao tự chủ tài chính	28,514,301	3,583,560	12.57
	Giao không tự chủ tài chính	3,625,182	115,000	3.17
<b>8</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hà Nam</b>	<b>23,090,230</b>	<b>2,757,602</b>	<b>11.94</b>
	Giao tự chủ tài chính	20,808,596	2,722,602	13.08
	Giao không tự chủ tài chính	2,281,634	35,000	1.53
<b>9</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hải Dương</b>	<b>40,310,266</b>	<b>9,833,526</b>	<b>24.39</b>
	Giao tự chủ tài chính	36,197,130	9,439,561	26.08
	Giao không tự chủ tài chính	4,113,136	393,965	9.58
<b>10</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hưng Yên</b>	<b>31,421,987</b>	<b>8,176,308</b>	<b>26.02</b>
	Giao tự chủ tài chính	27,874,972	7,788,808	27.94
	Giao không tự chủ tài chính	3,547,015	387,500	10.92
<b>11</b>	<b>Cục THADS tỉnh Thái Bình</b>	<b>28,799,198</b>	<b>3,205,556</b>	<b>11.13</b>
	Giao tự chủ tài chính	24,768,678	3,173,435	12.81
	Giao không tự chủ tài chính	4,030,520	32,121	0.80
<b>12</b>	<b>Cục THADS tỉnh Long An</b>	<b>54,590,069</b>	<b>14,363,736</b>	<b>26.31</b>
	Giao tự chủ tài chính	48,390,467	12,191,455	25.19
	Giao không tự chủ tài chính	6,199,602	2,172,281	35.04
<b>13</b>	<b>Cục THADS tỉnh Tiền Giang</b>	<b>50,788,524</b>	<b>9,474,569</b>	<b>18.65</b>
	Giao tự chủ tài chính	45,491,722	7,954,569	17.49
	Giao không tự chủ tài chính	5,296,802	1,520,000	28.70

STT	Chỉ tiêu	Dự toán giao 2025	Ước thực hiện	
			Quý I	Ước thực hiện quý so với dự toán (%)
<b>14</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bến Tre</b>	<b>37,375,180</b>	<b>5,483,086</b>	<b>14.67</b>
	Giao tự chủ tài chính	31,182,205	4,841,462	15.53
	Giao không tự chủ tài chính	6,192,975	641,624	10.36
<b>15</b>	<b>Cục THADS tỉnh Đồng Tháp</b>	<b>48,041,471</b>	<b>7,341,018</b>	<b>15.28</b>
	Giao tự chủ tài chính	43,006,800	7,341,018	17.07
	Giao không tự chủ tài chính	5,034,671	0	0.00
<b>16</b>	<b>Cục THADS tỉnh Vĩnh Long</b>	<b>33,576,071</b>	<b>5,944,531</b>	<b>17.70</b>
	Giao tự chủ tài chính	29,942,102	5,050,611	16.87
	Giao không tự chủ tài chính	3,633,969	893,920	24.60
<b>17</b>	<b>Cục THADS tỉnh An Giang</b>	<b>42,012,365</b>	<b>6,686,896</b>	<b>15.92</b>
	Giao tự chủ tài chính	36,539,711	5,996,896	16.41
	Giao không tự chủ tài chính	5,472,654	690,000	12.61
<b>18</b>	<b>Cục THADS tỉnh Kiên Giang</b>	<b>51,153,252</b>	<b>15,659,683</b>	<b>30.61</b>
	Giao tự chủ tài chính	44,424,031	13,736,684	30.92
	Giao không tự chủ tài chính	6,729,221	1,922,999	28.58
<b>19</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hậu Giang</b>	<b>27,128,660</b>	<b>2,486,389</b>	<b>9.17</b>
	Giao tự chủ tài chính	24,567,210	2,186,389	8.90
	Giao không tự chủ tài chính	2,561,450	300,000	11.71
<b>20</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bạc Liêu</b>	<b>27,300,335</b>	<b>4,338,906</b>	<b>15.89</b>
	Giao tự chủ tài chính	23,613,363	3,578,906	15.16
	Giao không tự chủ tài chính	3,686,972	760,000	20.61
<b>21</b>	<b>Cục THADS tỉnh Cà Mau</b>	<b>42,112,012</b>	<b>4,733,037</b>	<b>11.24</b>
	Giao tự chủ tài chính	34,752,773	4,275,372	12.30
	Giao không tự chủ tài chính	7,359,239	457,665	6.22
<b>22</b>	<b>Cục THADS tỉnh Trà Vinh</b>	<b>33,780,938</b>	<b>7,878,437</b>	<b>23.32</b>
	Giao tự chủ tài chính	29,092,713	7,275,937	25.01
	Giao không tự chủ tài chính	4,688,225	602,500	12.85
<b>23</b>	<b>Cục THADS tỉnh Sóc Trăng</b>	<b>41,711,615</b>	<b>9,621,832</b>	<b>23.07</b>
	Giao tự chủ tài chính	31,551,408	5,954,332	18.87
	Giao không tự chủ tài chính	10,160,207	3,667,500	36.10
<b>24</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bắc Ninh</b>	<b>27,031,673</b>	<b>4,208,801</b>	<b>15.57</b>
	Giao tự chủ tài chính	25,088,098	3,803,801	15.16
	Giao không tự chủ tài chính	1,943,575	405,000	20.84
<b>25</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bắc Giang</b>	<b>36,753,737</b>	<b>9,502,769</b>	<b>25.86</b>
	Giao tự chủ tài chính	31,511,964	9,097,999	28.87
	Giao không tự chủ tài chính	5,241,773	404,770	7.72
<b>26</b>	<b>Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc</b>	<b>31,913,641</b>	<b>4,613,750</b>	<b>14.46</b>
	Giao tự chủ tài chính	28,409,809	4,360,765	15.35
	Giao không tự chủ tài chính	3,503,832	252,984	7.22
<b>27</b>	<b>Cục THADS tỉnh Phú Thọ</b>	<b>40,835,938</b>	<b>10,827,716</b>	<b>26.52</b>
	Giao tự chủ tài chính	36,165,817	9,943,881	27.50
	Giao không tự chủ tài chính	4,670,121	883,835	18.93
<b>28</b>	<b>Cục THADS tỉnh Ninh Bình</b>	<b>26,107,506</b>	<b>3,328,336</b>	<b>12.75</b>
	Giao tự chủ tài chính	23,918,111	3,306,576	13.82
	Giao không tự chủ tài chính	2,189,395	21,760	0.99
<b>29</b>	<b>Cục THADS tỉnh Thanh Hoá</b>	<b>79,239,208</b>	<b>19,999,748</b>	<b>25.24</b>
	Giao tự chủ tài chính	70,329,327	19,511,898	27.74
	Giao không tự chủ tài chính	8,909,881	487,850	5.48
<b>30</b>	<b>Cục THADS tỉnh Nghệ An</b>	<b>65,497,479</b>	<b>10,043,242</b>	<b>15.33</b>
	Giao tự chủ tài chính	58,392,098	10,043,242	17.20
	Giao không tự chủ tài chính	7,105,381	0	0.00
<b>31</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh</b>	<b>34,157,983</b>	<b>7,332,925</b>	<b>21.47</b>
	Giao tự chủ tài chính	31,190,010	7,117,965	22.82
	Giao không tự chủ tài chính	2,967,973	214,960	7.24
<b>32</b>	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Bình</b>	<b>30,307,478</b>	<b>7,177,836</b>	<b>23.68</b>
	Giao tự chủ tài chính	25,634,946	6,529,981	25.47
	Giao không tự chủ tài chính	4,672,532	647,855	13.87
<b>33</b>	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Trị</b>	<b>28,498,957</b>	<b>3,977,802</b>	<b>13.96</b>
	Giao tự chủ tài chính	26,749,153	3,762,594	14.07
	Giao không tự chủ tài chính	1,749,804	215,208	12.30
<b>34</b>	<b>Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế</b>	<b>27,276,175</b>	<b>3,301,201</b>	<b>12.10</b>
	Giao tự chủ tài chính	25,749,916	3,255,131	12.64
	Giao không tự chủ tài chính	1,526,259	46,070	3.02
<b>35</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</b>	<b>33,821,565</b>	<b>8,049,351</b>	<b>23.80</b>
	Giao tự chủ tài chính	30,665,159	7,209,006	23.51
	Giao không tự chủ tài chính	3,156,406	840,345	26.62
<b>36</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bình Thuận</b>	<b>37,507,233</b>	<b>6,153,275</b>	<b>16.41</b>
	Giao tự chủ tài chính	32,111,048	5,125,335	15.96
	Giao không tự chủ tài chính	5,396,185	1,027,940	19.05

STT	Chỉ tiêu	Dự toán giao 2025	Ước thực hiện	
			Quý I	Ước thực hiện quý so với dự toán (%)
37	<b>Cục THADS tỉnh Đồng Nai</b>	<b>57,091,576</b>	<b>7,785,852</b>	<b>13.64</b>
	Giao tự chủ tài chính	50,670,075	7,785,852	15.37
	Giao không tự chủ tài chính	6,421,501	0	0.00
38	<b>Cục THADS tỉnh Bình Dương</b>	<b>42,439,361</b>	<b>9,863,099</b>	<b>23.24</b>
	Giao tự chủ tài chính	37,686,361	8,477,819	22.50
	Giao không tự chủ tài chính	4,753,000	1,385,280	29.15
39	<b>Cục THADS tỉnh Bình Phước</b>	<b>37,403,504</b>	<b>6,723,665</b>	<b>17.98</b>
	Giao tự chủ tài chính	32,572,091	6,103,665	18.74
	Giao không tự chủ tài chính	4,831,413	620,000	12.83
40	<b>Cục THADS tỉnh Tây Ninh</b>	<b>49,972,034</b>	<b>7,046,629</b>	<b>14.10</b>
	Giao tự chủ tài chính	41,443,245	6,099,629	14.72
	Giao không tự chủ tài chính	8,528,789	947,000	11.10
41	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Nam</b>	<b>47,044,292</b>	<b>11,250,074</b>	<b>23.91</b>
	Giao tự chủ tài chính	42,218,480	10,446,074	24.74
	Giao không tự chủ tài chính	4,825,812	804,000	16.66
42	<b>Cục THADS tỉnh Bình Định</b>	<b>42,430,988</b>	<b>6,710,059</b>	<b>15.81</b>
	Giao tự chủ tài chính	36,221,990	6,270,559	17.31
	Giao không tự chủ tài chính	6,208,998	439,500	7.08
43	<b>Cục THADS tỉnh Khánh Hoà</b>	<b>32,971,791</b>	<b>9,842,832</b>	<b>29.85</b>
	Giao tự chủ tài chính	28,527,652	7,455,832	26.14
	Giao không tự chủ tài chính	4,444,139	2,387,000	53.71
44	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi</b>	<b>36,648,743</b>	<b>5,974,452</b>	<b>16.30</b>
	Giao tự chủ tài chính	32,679,281	5,603,082	17.15
	Giao không tự chủ tài chính	3,969,462	371,370	9.36
45	<b>Cục THADS tỉnh Phú Yên</b>	<b>28,173,445</b>	<b>3,801,529</b>	<b>13.49</b>
	Giao tự chủ tài chính	23,918,641	3,486,529	14.58
	Giao không tự chủ tài chính	4,254,804	315,000	7.40
46	<b>Cục THADS tỉnh Ninh Thuận</b>	<b>25,806,038</b>	<b>3,341,941</b>	<b>12.95</b>
	Giao tự chủ tài chính	22,194,244	2,904,228	13.09
	Giao không tự chủ tài chính	3,611,794	437,713	12.12
47	<b>Cục THADS tỉnh Thái Nguyên</b>	<b>33,697,125</b>	<b>7,270,628</b>	<b>21.58</b>
	Giao tự chủ tài chính	29,778,129	7,100,263	23.84
	Giao không tự chủ tài chính	3,918,996	170,365	4.35
48	<b>Cục THADS tỉnh Bắc Kạn</b>	<b>23,062,723</b>	<b>2,583,834</b>	<b>11.20</b>
	Giao tự chủ tài chính	20,166,121	2,583,834	12.81
	Giao không tự chủ tài chính	2,896,602	0	0.00
49	<b>Cục THADS tỉnh Cao Bằng</b>	<b>32,617,188</b>	<b>5,186,948</b>	<b>15.90</b>
	Giao tự chủ tài chính	31,075,253	5,186,948	16.69
	Giao không tự chủ tài chính	1,541,935	0	0.00
50	<b>Cục THADS tỉnh Lạng Sơn</b>	<b>32,739,620</b>	<b>4,926,852</b>	<b>15.05</b>
	Giao tự chủ tài chính	28,535,188	4,514,183	15.82
	Giao không tự chủ tài chính	4,204,432	412,669	9.82
51	<b>Cục THADS tỉnh Tuyên Quang</b>	<b>26,435,817</b>	<b>3,039,469</b>	<b>11.50</b>
	Giao tự chủ tài chính	23,215,779	2,997,084	12.91
	Giao không tự chủ tài chính	3,220,038	42,385	1.32
52	<b>Cục THADS tỉnh Hà Giang</b>	<b>33,627,641</b>	<b>5,318,978</b>	<b>15.82</b>
	Giao tự chủ tài chính	30,101,052	5,304,818	17.62
	Giao không tự chủ tài chính	3,526,589	14,160	0.40
53	<b>Cục THADS tỉnh Yên Bái</b>	<b>31,507,153</b>	<b>4,372,234</b>	<b>13.88</b>
	Giao tự chủ tài chính	28,507,873	4,314,944	15.14
	Giao không tự chủ tài chính	2,999,280	57,290	1.91
54	<b>Cục THADS tỉnh Lào Cai</b>	<b>29,461,405</b>	<b>3,890,584</b>	<b>13.21</b>
	Giao tự chủ tài chính	26,417,381	3,740,041	14.16
	Giao không tự chủ tài chính	3,044,024	150,543	4.95
55	<b>Cục THADS tỉnh Hòa Bình</b>	<b>29,714,833</b>	<b>4,302,230</b>	<b>14.48</b>
	Giao tự chủ tài chính	28,099,620	4,267,280	15.19
	Giao không tự chủ tài chính	1,615,213	34,950	2.16
56	<b>Cục THADS tỉnh Sơn La</b>	<b>35,271,852</b>	<b>5,236,502</b>	<b>14.85</b>
	Giao tự chủ tài chính	31,300,448	5,149,882	16.45
	Giao không tự chủ tài chính	3,971,404	86,620	2.18
57	<b>Cục THADS tỉnh Điện Biên</b>	<b>31,176,664</b>	<b>7,009,264</b>	<b>22.48</b>
	Giao tự chủ tài chính	27,176,577	6,928,254	25.49
	Giao không tự chủ tài chính	4,000,087	81,010	2.03
58	<b>Cục THADS tỉnh Lai Châu</b>	<b>20,739,084</b>	<b>4,655,902</b>	<b>22.45</b>
	Giao tự chủ tài chính	19,014,266	4,365,997	22.96
	Giao không tự chủ tài chính	1,724,818	289,905	16.81
59	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Ninh</b>	<b>48,242,264</b>	<b>7,234,245</b>	<b>15.00</b>
	Giao tự chủ tài chính	43,493,568	7,081,291	16.28
	Giao không tự chủ tài chính	4,748,696	152,954	3.22

STT	Chỉ tiêu	Dự toán giao 2025	Ước thực hiện	
			Quý I	Ước thực hiện quý so với dự toán (%)
<b>60</b>	<b>Cục THADS tỉnh Lâm Đồng</b>	<b>41,848,704</b>	<b>7,594,739</b>	<b>18.15</b>
	Giao tự chủ tài chính	37,889,576	6,497,996	17.15
	Giao không tự chủ tài chính	3,959,128	1,096,743	27.70
<b>61</b>	<b>Cục THADS tỉnh Gia Lai</b>	<b>50,160,602</b>	<b>12,226,304</b>	<b>24.37</b>
	Giao tự chủ tài chính	45,222,253	11,398,029	25.20
	Giao không tự chủ tài chính	4,938,349	828,275	16.77
<b>62</b>	<b>Cục THADS tỉnh Đắk Lắk</b>	<b>55,146,889</b>	<b>9,712,425</b>	<b>17.61</b>
	Giao tự chủ tài chính	48,327,122	7,874,425	16.29
	Giao không tự chủ tài chính	6,819,767	1,838,000	26.95
<b>63</b>	<b>Cục THADS tỉnh Đắk Nông</b>	<b>31,089,796</b>	<b>4,171,281</b>	<b>13.42</b>
	Giao tự chủ tài chính	26,767,081	4,014,596	15.00
	Giao không tự chủ tài chính	4,322,715	156,685	3.62
<b>64</b>	<b>Cục THADS tỉnh Kon Tum</b>	<b>29,710,611</b>	<b>4,265,868</b>	<b>14.36</b>
	Giao tự chủ tài chính	27,458,428	4,133,818	15.05
	Giao không tự chủ tài chính	2,252,183	132,050	5.86
	<b>BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (LOẠI 340 - KHOẢN 368)</b>	<b>10,000,000</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	10,000,000	0	0.00
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (LOẠI 070 - KHOẢN 085)</b>	<b>6,287,000</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	6,287,000	0	0.00